

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt:

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đáp ứng	
I	Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, thiết bị, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ		
1	Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật chi tiết theo yêu cầu của E-HSMT (không yêu cầu đối với vật tư, phụ kiện)	- Nhà thầu phải kê khai đầy đủ, chính xác các nội dung về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa trên webfrom làm cơ sở đánh giá E-HSDT, bao gồm: Ký mã hiệu; Nhãn hiệu; Năm sản xuất; Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ sản xuất); Hãng sản xuất; Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản. - Nhà thầu phải cung cấp các tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa chính mà nhà thầu đã kê khai đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật quy định tại Chương V. Các tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa là: Hồ sơ hoặc giấy tờ hoặc bản vẽ hoặc số liệu hoặc catalog của nhà sản xuất được mô tả chi tiết theo từng khoản mục về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng cơ bản của hàng hóa, qua đó chứng minh sự đáp ứng cơ bản của hàng hóa so với các yêu cầu của E-HSMT đối với các lĩnh vực, chủng loại hàng hoá là thiết bị máy bơm. Các lĩnh vực, chủng loại hàng hoá khác có mô tả đặc tính, thông số kỹ thuật, cam kết thông số kỹ thuật, hình ảnh minh hoạ.	Đạt
		Nhà thầu không đáp ứng một trong các nội dung sau:	Không đạt

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đáp ứng	
		- Nhà thầu không kê khai đầy đủ, chính xác các nội dung về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa trên webfrom làm cơ sở đánh giá E-HSDT, bao gồm: Ký mã hiệu; Nhãn hiệu; Năm sản xuất; Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ sản xuất); Hãng sản xuất; Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản. - Nhà thầu không cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa mà nhà thầu đã kê khai đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật quy định tại Chương V. Các tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa là: Hồ sơ hoặc giấy tờ hoặc bản vẽ hoặc số liệu hoặc catalog của nhà sản xuất được mô tả chi tiết theo từng khoản mục về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng cơ bản của hàng hóa, qua đó chứng minh sự đáp ứng cơ bản của hàng hóa so với các yêu cầu của E-HSMT đối với các lĩnh vực, chủng loại thiết bị theo yêu cầu. - Nhà thầu không có mô tả đặc tính, thông số kỹ thuật, không cam kết thông số kỹ thuật, hình ảnh minh họa đối với các lĩnh vực, chủng loại hàng hoá khác.	
2	Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa.	Có đầy đủ các giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức cung cấp lắp đặt hàng hóa hợp lý, hiệu quả kinh tế; có cam kết cung đầy đủ công nhân lắp đặt thiết bị đáp ứng yêu cầu tiến độ gói thầu.	Đạt
		Không có hoặc thiếu giải pháp kỹ	Không

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đáp ứng	
		thuật và biện pháp tổ chức cung cấp lắp đặt hàng hóa hợp lý; hoặc không cam kết cung đầy đủ công nhân lắp đặt thiết bị đáp ứng yêu cầu tiến độ gói thầu.	Đạt
3	Thời gian bảo hành, bảo trì sau bảo hành.	Nhà thầu trình bày được kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì. Thời gian bảo hành từ 12 tháng trở lên và theo thời gian bảo hành yêu cầu tại Chương V và theo thời gian bảo hành của nhà sản xuất; bảo trì tối thiểu 02 lần sau thời gian bảo hành (06 tháng một lần).	Đạt
		Nhà thầu không trình bày kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì. Hoặc thời gian bảo hành dưới 12 tháng hoặc dưới thời gian bảo hành yêu cầu tại Chương V hoặc theo thời gian bảo hành của nhà sản xuất; hoặc bảo trì dưới 02 lần sau thời gian bảo hành (06 tháng một lần).	Không đạt
II	Tiêu chuẩn chất lượng của hàng hóa, thiết bị; khả năng lắp đặt thiết bị; tiến độ cung cấp hàng hóa		
	Tiêu chuẩn chất lượng của hàng hóa, thiết bị; khả năng lắp đặt thiết bị; tiến độ cung cấp hàng hóa	Hàng hóa, thiết bị phải đảm bảo các tiêu chuẩn chất lượng hiện hành, đảm bảo thông số kỹ thuật theo yêu cầu về kỹ thuật quy định tại Chương V; Khả năng lắp đặt thiết bị, tiến độ cung cấp hàng hóa hợp lý, đáp ứng yêu cầu về tiến độ của gói thầu	Đạt
		Hàng hóa, thiết bị không đảm bảo các tiêu chuẩn chất lượng hiện hành, không đảm bảo thông số kỹ thuật theo yêu cầu về kỹ thuật quy định tại Chương V hoặc Khả năng lắp đặt thiết bị, tiến độ cung cấp hàng hóa không đáp ứng yêu cầu về tiến độ	Không đạt

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đáp ứng	
		của gói thầu	
III	Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công		
1	Hiểu biết về gói thầu và biện pháp tổ chức thi công tổng thể gói thầu		
1.1	Hiểu biết dự án và gói thầu - Thông tin cơ bản, quy mô, đặc điểm của gói thầu - Đánh giá thuận lợi, khó khăn trong quá trình thi công xây dựng	Có am hiểu về gói thầu	Đạt
		Không am hiểu về gói thầu hoặc am hiểu không đúng về gói thầu	Không đạt
1.2	Tổ chức mặt bằng công trường: Bố trí thiết bị thi công, lán trại, phòng thí nghiệm, kho bãi tập kết vật liệu, bố trí cổng ra vào, rào chắn, biển báo, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công	Có giải pháp bố trí hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công, tiến độ huy động máy và hiện trạng công trình xây dựng, có bản vẽ bố trí tổng mặt bằng thi công kèm theo. Vị trí đặt trụ sở Ban chỉ huy công trường phải đảm bảo đủ điều kiện để bao quát quản lý công trường.	Đạt
		Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng, không có bản vẽ bố trí tổng mặt bằng thi công kèm theo. Vị trí đặt trụ sở Ban chỉ huy công trường không đảm bảo đủ điều kiện để bao quát quản lý công trường	Không đạt
1.3	Tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường - Có sơ đồ tổ chức của nhà thầu tại công trường: Các bộ phận quản lý tiến độ, kỹ thuật, chất lượng, vật tư, thiết bị an toàn, an ninh, môi trường.	Có sơ đồ và giải pháp bố trí nhân sự, thiết bị máy móc hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Đạt
		Không có sơ đồ và giải pháp bố trí nhân sự, thiết bị máy móc không hợp	Không đạt

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đáp ứng	
	- Sơ đồ bố trí các tổ đội thi công.	lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	
1.4	- Giải pháp khảo sát, trắc đạc, chuẩn bị để thi công công trình	Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Đạt
	- Giải pháp thi công tổng thể các hạng mục.	Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Không đạt
2	Biện pháp tổ chức thi công chi tiết các hạng mục công trình		
2.1	Biện pháp thi công các hạng mục: Trạm bơm ven Sông Đáy (Thi công đê quây; tháo dỡ thiết bị; phá dỡ công trình cũ; đào đắp đất; bể hút, bể xả; kênh tưới; Nhà trạm bơm; điện chiếu sáng...)	Trình bày đầy đủ các nội dung bên, các công việc đầy đủ theo HSTK được duyệt, có thuyết minh kèm theo bản vẽ biện pháp thi công đầy đủ chi tiết các hạng mục, biện pháp thi công hợp lý, khả thi	Đạt
	+ Trạm bơm tưới Quán Ngo + Trạm bơm tưới Bãi Cao + Trạm bơm tưới Đại Thành + Trạm bơm tưới Thứ hai + Trạm bơm tưới Ô Minh + Trạm bơm tưới Xó Núi + Trạm bơm tưới Bãi Lão + Trạm bơm tưới Thìn Sơn + Trạm bơm tưới Phú Bình + Trạm bơm tưới Phú Cao + Trạm bơm tưới Gò Đỏ + Trạm bơm tưới Gò Hóp + Trạm bơm tưới Gò Chắt + Trạm bơm tưới Gò Lạc + Trạm bơm tưới Bến Vôi + Trạm bơm tưới Gò Tuyền	Không có bản vẽ biện pháp thi công, không có thuyết minh biện pháp thi công hoặc có nhưng không đầy đủ, không khả thi hoặc nêu không đúng, trình bày không đáp ứng các nội dung theo yêu cầu, không phù hợp với HSTK được duyệt	Không đạt

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đáp ứng	
	+ Trạm bơm tưới Quán Tít + Trạm bơm tưới Chân Đanh		
2.2	Biện pháp thi công hạng mục: Thi công lắp đặt thiết bị nhà trạm bơm	Có thuyết minh giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt thiết bị hàng hóa khả thi	Đạt
		Không có thuyết minh giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa hoặc có nhưng không khả thi	Không đạt
2.3	Biện pháp thi công hạng mục: Đảm bảo an toàn giao thông	Có bản vẽ biện pháp thi công, thuyết minh giải pháp đảm bảo an toàn giao thông hợp lý, khả thi	
		Không có bản vẽ biện pháp thi công, không có thuyết minh giải pháp đảm bảo an toàn giao thông, biện pháp đảm bảo giao thông không hợp lý, không khả thi	
3	Khả năng cung cấp vật tư, vật liệu để thi công công trình		
3.1	Đối với các loại vật tư, vật liệu xây dựng chủ yếu đưa vào thi công công trình: Xi măng, cát các loại, đá các loại, gạch xây, cốt thép, sơn các loại, tôn lợp thiết bị điện chiếu sáng, cọc cừ larsen, cọc BTCT (<i>nguồn gốc, xuất xứ, tiêu chuẩn áp dụng còn hiệu lực</i>)	- Có bảng kê đầy đủ, đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật theo hồ sơ thiết kế và Tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng tương ứng còn hiệu lực; - Có hợp đồng nguyên tắc cung cấp vật liệu với đơn vị cung cấp (kèm theo giấy đăng ký kinh doanh). - Có biện pháp bảo quản vật tư, vật liệu tại công trình đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và tiến độ thi công - Có phương án cung ứng vật tư, vật liệu đáp ứng được tiến độ thi công - Có phương án tập kết vật tư tại công	Đạt

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đáp ứng	
		trường phục vụ các tình huống cấp bách	
		Không có hoặc không đầy đủ các nội dung theo yêu cầu.	Không đạt
3.2	Phòng thí nghiệm cho gói thầu	Có tài liệu chứng minh sở hữu hoặc Hợp đồng nguyên tắc đi thuê phòng thí nghiệm đủ năng lực thực hiện các phép thử phù hợp với các hạng mục công việc của gói thầu, kèm theo quyết định của phòng LAS-XD	Đạt
		Không có: Chứng minh sở hữu hoặc Hợp đồng nguyên tắc đi thuê phòng thí nghiệm đủ năng lực thực hiện các phép thử phù hợp với các hạng mục công việc của gói thầu	Không đạt
II	Tiến độ thực hiện gói thầu		
1	Thời gian thi công: Đảm bảo thời gian thi công không quá 540 ngày có tính điều kiện thời tiết kể từ ngày khởi công	Đề xuất thời gian thi công không vượt quá 540 ngày có tính đến điều kiện thời tiết. Hợp lý về tiến độ hoàn thành giữa các hạng mục liên quan, phù hợp với phương án kỹ thuật, công nghệ và năng lực thiết bị thi công	Đạt
		Đề xuất về thời gian thi công vượt quá 540 ngày hoặc không tính đến điều kiện thời tiết. Hoặc không có sự hợp lý về tiến độ hoàn thành giữa các hạng mục liên quan, không phù hợp với phương án kỹ thuật, công nghệ và năng lực thiết bị thi công	Không đạt
2	Tính phù hợp: a) Giữa bố trí thiết bị thi công các hạng mục, tiến độ thi công và biện pháp thi công	Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi cho cả 3 nội dung a), b) và c) Có biểu đồ tổng tiến độ thi công các hạng mục công việc, biểu đồ huy	Đạt

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đáp ứng	
	b) Giữa bố trí nhân lực, tiến độ thi công, biện pháp thi công và biểu đồ nhân lực	động thiết bị, nhân lực, biểu đồ huy động vật tư, vật liệu chính phù hợp với tiến độ, biện pháp thi công	
	c) Giữa tiến độ huy động vật tư, vật liệu chính (Xi măng, cát các loại, đá các loại, gạch xây, cốt thép, sơn các loại, tôn lợp thiết bị điện chiếu sáng, cọc cừ larsen, cọc BTCT, thiết bị trạm bơm, vật tư và vật liệu khác), tiến độ thi công, biện pháp thi công và biểu đồ huy động vật tư, vật liệu chính	Đề xuất không đủ 3 nội dung a), b) và c). Không có biểu đồ hoặc biểu đồ không phù hợp	Không đạt
3	Biện pháp đảm bảo tiến độ thi công: Đề xuất biện pháp tăng cường thiết bị, nhân lực khi tiến độ thi công bị chậm trễ đảm bảo hoàn thành công trình theo đúng tiến độ.	Có nêu Biện pháp đảm bảo tiến độ thi công hợp lý, khả thi	Đạt
		Không nêu Biện pháp đảm bảo tiến độ thi công hoặc có nêu nhưng biện pháp đưa ra không hợp lý, không khả thi	Không đạt
III	Cách thức quản lý dự án bao gồm: tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường		
1	Trình bày cách thức tổ chức quản lý dự án phù hợp tính chất của gói thầu	Có thuyết minh về tổ chức quản lý dự án đầy đủ phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
		Không đề xuất hoặc đề xuất không đầy đủ các nội dung trên	Không đạt
2	Trình bày cách thức tổ chức quản lý dự án hiện trường phù hợp tính chất của gói thầu	Có thuyết minh về tổ chức quản lý dự án đầy đủ phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
		Không đề xuất hoặc đề xuất không đầy đủ các nội dung trên	Không đạt
IV	Các biện pháp bảo đảm chất lượng		
1	Trình bày biện pháp bảo đảm chất lượng trong thi công gồm: - Lập hệ thống quản lý chất lượng	Đề xuất đầy đủ và hợp lý, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đáp ứng	
	công trình, trong đó quy định rõ trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận thi công xây dựng công trình. - Quản lý chất lượng máy móc, thiết bị thi công. - Biện pháp kiểm soát, đảm bảo chất lượng cho các công tác thi công chính. - Biện pháp phối hợp giữa Nhà thầu với Chủ đầu tư, tư vấn giám sát, tư vấn thiết kế, chính quyền và nhân dân địa phương để thi công công trình đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn. - Biện pháp quản lý tài liệu, hồ sơ, bản vẽ hoàn công, nghiệm thu, thanh quyết toán và các tài liệu có liên quan trong quá trình thi công	Không đề xuất hoặc đề xuất không đầy đủ và hợp lý, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không đạt
2	Trình bày biện pháp đảm bảo chất lượng vật tư, vật liệu đầu vào để phục vụ công tác thi công gồm: - Biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên liệu đầu vào để phục vụ công tác thi công - Biện pháp bảo quản vật liệu, vật tư, công trình khi tạm dừng thi công khi mưa, bão	Đề xuất đầy đủ và hợp lý, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	2
		Không đề xuất hoặc đề xuất không đầy đủ và hợp lý, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không đạt
V	Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động		
1	Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường: Có các biện pháp cụ thể nhằm hạn chế hoặc triệt để tác động xấu đến môi trường xung quanh và đảm bảo các yếu tố khác trong quá trình thi công + Tiếng ồn, bụi và khói, kiểm soát nước thải, rác thải, vệ sinh + Đảm bảo trật tự, trị an trong quá	Có các biện pháp cụ thể nhằm hạn chế hoặc triệt để tác động xấu đến môi trường xung quanh và đảm bảo các yếu tố khác trong quá trình thi công.	Đạt
		Không nêu đầy đủ các nội dung hoặc nêu không đúng theo yêu cầu	Không đạt

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đáp ứng	
	trình xây dựng + Hoàn trả mặt bằng, các công trình hạ tầng kỹ thuật sau khi thi công xong		
2	Giải pháp thu gom và vận chuyển xử lý phế thải Quản lý chất thải rắn xây dựng	Nhà thầu cam kết: Thu gom, vận chuyển chất thải rắn xây dựng theo quy định của pháp luật hiện hành về quản lý chất thải rắn xây dựng.	Đạt
		Nhà thầu không cam kết hoặc có cam kết nhưng không phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về quản lý chất thải rắn xây dựng.	Không đạt
3	Biện pháp phòng cháy, chữa cháy	Có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với biện pháp tổ chức thi công	Đạt
		Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, khả thi phù hợp với biện pháp tổ chức thi công	Không đạt
4	An toàn lao động, an toàn về điện: Lập kế hoạch tổng hợp về an toàn theo yêu cầu tại chương V - Yêu cầu về xây lắp	Có biện pháp và phương án rõ ràng, cụ thể theo yêu cầu	Đạt
		Không có biện pháp và phương án rõ ràng theo yêu cầu hoặc biện pháp không đầy đủ theo yêu cầu	Không đạt
VI	Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì; cung cấp các dịch vụ kỹ thuật kèm theo như dịch vụ sau bán hàng, đào tạo, chuyển giao công nghệ...		
1	Có cam kết bằng văn bản và đề xuất giải pháp bảo hành, bảo trì công trình sau khi đưa vào sử dụng theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước (bảo hành ít nhất trong 12 tháng).	Có giải pháp cụ thể, thời gian bảo hành đáp ứng yêu cầu; có cam kết bằng văn bản	Đạt
		Không có giải pháp cụ thể hoặc thời gian bảo hành < 12 tháng hoặc không có cam kết bằng văn bản hoặc cam kết không đúng.	Không đạt

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đáp ứng	
2	Các dịch vụ kỹ thuật kèm theo như dịch vụ sau bán hàng, đào tạo, chuyển giao công nghệ...	Nhà thầu nêu các dịch vụ kỹ thuật kèm theo như dịch vụ sau bán hàng, đào tạo, chuyển giao công nghệ (nếu có)...	Đạt
		Nhà thầu không nêu các dịch vụ kỹ thuật kèm theo như dịch vụ sau bán hàng, đào tạo, chuyển giao công nghệ (nếu có)...	Không đạt
VII	Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;		
	Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP	Đáp ứng và có cam kết không bị kết luận vi phạm về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP	Đạt
	(Đối với nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải đáp ứng yêu cầu này).	Không đáp ứng hoặc Không có cam kết hoặc có cam kết nhưng không đáp ứng đầy đủ nội dung theo yêu cầu	Không đạt

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong các phương pháp dưới đây cho phù hợp:

4.1. Phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

- Trường hợp Mục 13.8 E-BDL quy định nhà thầu chào theo Mẫu số 11.1 (11.1A hoặc 11.1B hoặc 11.1C hoặc 11.1D) Chương IV thì xác định giá dự thầu;

Bước 2. Hiệu chỉnh sai lệch thừa (thực hiện theo quy định tại Mục 28 E-CDNT);

Bước 3. Xác định giá dự thầu (theo Bước 1 khoản này) sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 4. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 29 E-CDNT

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu (theo Bước 1 khoản này) sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có)

thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Trường hợp chủ đầu tư đưa ra các khoản tạm tính thì phần chi phí cho các khoản tạm tính, trong đó bao gồm chi phí công nhật sẽ được tách riêng và không được xem xét trong quá trình đánh giá E-HSDT để so sánh, xếp hạng các E-HSDT.

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có): Không